

**TÒA NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 139/2022/HN-ST

Ngày: 21-9-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khoe

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Giao Thị H, sinh năm 1986 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 75/9/20 đường A, phường B, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Đinh Hồng Quang L, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: 75/9/20 đường A, phường B, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Giao Thị H trình bày:

Bà và bà ông Đinh Hồng Quang L sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, TP Vũng Tàu năm 2015.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian từ tháng 12/2020 giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà có nhiều xung khắc, không chia sẻ và thông cảm được với nhau. Đặc biệt là vấn đề kinh tế, từ khi

về làm vợ ông L, bà phải vay mượn trả nợ cho ông L và gia đình ông, bà cảm thấy mệt mỏi không thể tiếp tục gánh vác vấn đề kinh tế như vậy vì bà không biết đến khi nào ông L mới hết nợ, vì thỉnh thoảng bà lại thấy có những khoản nợ mới, có thời điểm giang hồ đến xiết nợ, dọa dẫm bà. Ông L không sống thành thật với bà, vì vậy bà không còn niềm tin vào chồng, bà không còn sự tôn trọng với chồng nữa. Hiện nay vợ chồng bà cũng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay bà thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà đề nghị được ly hôn với ông Đinh Hồng Quang L .

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Đinh Thái Nhi L, sinh ngày 26/12/2017 và Đinh Phúc Ngọc A, sinh ngày 22/01/2021. Bà có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/01 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, ông Đinh Hồng Quang L trình bày:

Ông L xác nhận về điều kiện đi tới hôn nhân như bà H trình bày là đúng. Ông và bà H sau một thời gian tìm hiểu thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, TP Vũng Tàu năm 2015.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó giữa vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, trước đây do làm ăn thua lỗ nên ông có nợ nần và vợ ông đã nhiều năm phải gánh nợ, trả nợ thay ông và gia đình. Tuy nhiên, nay ông cũng cố gắng làm ăn để vợ chồng cùng nhau vun đắp gia đình và bù đắp cho vợ ông. Vì thế, ông muốn có cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng để các con ông không thiếu cha thiếu mẹ.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Đinh Thái Nhi L, sinh ngày 26/12/2017 và Đinh Phúc Ngọc A, sinh ngày 22/01/2021. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con và ông cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/01 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Giao Thị H .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Bà Giao Thị H và ông Đinh Hồng Quang L chung sống có đăng ký kết hôn. Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L . Ông L có nơi cư trú tại

thành phố Vũng Tàu vì vậy xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Giao Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Giao Thị H và ông Đinh Hồng Quang L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 238, quyền số 02/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 7, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác nhận, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của bà H và ông L. Theo bà H và ông L thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà phát sinh từ vấn đề kinh tế, trước đây ông L có làm ăn thua lỗ và nợ, bà H đã phải nhiều lần trả nợ thay cho ông L và gia đình ông. Từ vấn đề kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà H cho rằng không còn niềm tin với ông L và không biết đến bao giờ ông L mới hết nợ, ông L không thành thật với bà. Tuy nhiên, ông L vẫn yêu thương vợ và muốn phấn đấu làm ăn để lo cho vợ, con nhưng bà H không đồng ý tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng.

Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Bà H và ông L hiện đang chung sống tại địa chỉ 75/9/20 đường A, Phường B, TP Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống, có lần bà H có báo với tổ dân phố sự việc vợ chồng bà mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng không nhờ tổ dân phố và Chi hội phụ nữ hòa giải mâu thuẫn. Qua thông tin các gia đình sống bên cạnh nhà bà H, ông L thì vợ chồng bà H, ông L có mâu thuẫn, có lần ông L đã bỏ ra ngoài sống. Cụ thể mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân từ đâu thì địa phương không nắm được.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn mặc dù ông L mong muốn và đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khả năng hàn gắn tình cảm giữa bà H và ông L là không thể thực hiện được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành triệu tập bà H tham gia phiên tòa nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, điều đó cũng thể hiện bà H không còn muốn hòa giải, hàn gắn và đoàn tụ. Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Giữa vợ chồng bà H và ông L lại thiếu đi những yếu tố cơ bản đó.

Từ những nhận định trên, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông L là có thật, không thể hàn gắn, khắc phục được, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông L có 02 (hai) con chung tên là Đinh Thái Nhi L, sinh ngày 26/12/2017 và Đinh Phúc Ngọc A, sinh ngày 22/01/2021.

Theo yêu cầu của bà H, ông L : Xét thấy, cháu Linh và cháu Anh còn nhỏ, bà H và ông L đều thống nhất để bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Điều này là hoàn toàn phù hợp vì hai cháu hiện nay đang ở cùng mẹ, bà H có thu nhập ổn định hàng tháng từ 18 đến 19 triệu đồng, có thời gian chăm sóc các con. Do đó, giao hai cháu L và cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý và cũng theo nguyện vọng của bà H và ông L .

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/một con, bà H đồng ý với mức cấp dưỡng này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật; Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Giao Thị H .

1. Về hôn nhân: Bà Giao Thị H ly hôn với ông Đinh Hồng Quang L .

2. Về con chung: Bà H và ông L có 02 (hai) người con chung là cháu Đinh Thái Nhi L, sinh ngày 26/12/2017 và Đinh Phúc Ngọc A, sinh ngày 22/01/2021.

Giao hai cháu Đinh Thái Nhi L và cháu Đinh Phúc Ngọc A cho bà Giao Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh và cháu Anh đủ 18 tuổi. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/một con. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm, giáo dục và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Giao Thị H và ông Đinh Hồng Quang L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Giao Thị H tự nguyện nộp, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002065 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong.

Án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), ông Đinh Hồng Quang L phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND Phường B, TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thu Nga